TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 - 2025
V/v: *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đoàn Thị Liễu**

Bà **Chung Kim Sang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 26/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 114, tổ 1, khu phố T, phường V, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 114, tổ 1, khu phố T, phường V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:* Chị H và anh Bùi Văn B tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang), ngày 18/4/2007.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị H xác định có 02 người con chung tên Bùi Vũ H1, sinh ngày 27/9/2006, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Bùi Vũ B1, sinh ngày 08/3/2009. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Bùi Vũ B1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định không có.

* Bị đơn anh Bùi Văn B đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Bùi Văn B không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Văn B đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H; bị đơn anh Bùi Văn B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Bùi Văn B. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2007, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị H xác nhận là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Mặc dù chị H và anh B đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẩn vợ chồng càng trở nên sâu sắc, và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay. Nay chị H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Phía anh B không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị H và anh B không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh, chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Chị H xác định có 02 người con chung tên Bùi Vũ H1, sinh ngày 27/9/2006, đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét và Bùi Vũ B1, sinh ngày 08/3/2009. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Bùi Vũ B1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại biên bản trình bày nguyện vọng cháu B1 có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị H khi cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Bùi Vũ B1, sinh ngày 08/3/2009 cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do anh Bùi Văn B không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh B có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn B.

2/ Về con chung: Người con chung tên Bùi Vũ H1, sinh ngày 27/9/2006, đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao người con chung tên Bùi Vũ B1, sinh ngày 08/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Bùi Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016054 ngày 09/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị H không phải nộp thêm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THU IN

* *Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 1-An Giang;*
- *Phòng THA dân sự khu vực 1-An Giang;*
- *UBND xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu./.*